

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **66/2020/HS - ST**
Ngày: 19/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoài**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Ông Bùi Xuân Đăng**

2. Ông Nguyễn Đức Thành

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thùy Liên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện T - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2020/HS- ST ngày 28/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST - HS ngày 08/5/2020 đối với bị cáo:

Phạm Tài T, sinh năm 1993; HKTT: Thôn L, xã L, huyện L, Tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Tài M và bà Nguyễn Thị M; Tiền án, tiền sự: Không (Danh chỉ bản số 215 ngày 31/3/2020 tại Công an huyện T); Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 30/3/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà nội (có mặt).

- Người bị hại:

+ Ông Lương Văn Q – Sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm P, xã Đ, huyện T, Tỉnh Vĩnh Phúc – Vắng mặt.

+ Anh Lại Văn C – Sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Tỉnh Thái Bình- vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Tài T cùng ông Lương Văn Q và anh Lại Văn C làm nghề xây dựng và ở cùng phòng trọ tại khu tập thể viện điều tra quy hoạch rừng, xã V, huyện T, Hà Nội. Khoảng 4 giờ 30 phút ngày 29/7/2019, trong khi ông Q và anh C đang ngủ, T đã lấy trộm của ông Q chiếc điện thoại di động OPPO màu trắng lắp số sim 0369513152 và của anh C chiếc điện thoại Xiaomi MiA1 Lite 32G màu vàng lắp sim số 0911494503.

Sau khi trộm cắp được 02 chiếc điện thoại trên, T đi bộ ra đường N và bắt xe ôm đến bến xe M, quận N, Hà Nội, mang chiếc điện thoại Xiaomi MiA2 đến cửa hàng điện thoại của chị Vũ Thị Ngọc A ở phường M, quận N, Hà Nội với giá 1.000.000đồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày 29/7/2019, T mang chiếc điện thoại OPPO bán cho cửa hàng điện thoại của anh Vũ Văn H tại phố Đ, phường M với giá 500.000đồng. T đã tiêu xài cá nhân hết số tiền đã bán được.

Ngày 10/8/2019, ông Lương Văn Q và anh Lại Văn C đến cơ quan công an trình báo và Phạm Tài T đến Đoàn công an N – Công an huyện T đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 430 ngày 16/9/2019 và số 16 ngày 06/01/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của huyện T kết luận: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi A2 có giá trị 3.000.000đồng; chiếc điện thoại OPPO trị giá 700.000đồng.

Ngày 19/12/2019, T giao nộp 01 điện thoại di động Mastel A116 và 01 sim số 0369513152 (là số sim của ông Lương Văn Q, khi bán điện thoại T tháo ra và cất giữ). Sau đó T bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 26/3/2020, Cơ quan công an ra quyết định truy nã và ngày 30/3/2020 T bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại cơ quan điều tra:

- Phạm Tài T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.
- Về dân sự: Ông Lương Văn Q và anh Lại văn C bị T trộm cắp 02 chiếc điện thoại, không thu hồi được nên yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản không thu hồi được.
- Anh Vũ Văn H khi mua điện thoại của T không biết là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.
- Chị Vũ Thị Ngọc A xác nhận ngày 29/7/2019, T có đến cửa hàng điện thoại của chị Ngọc A nhưng không nhớ đến để giao dịch gì. T không nhớ bán điện thoại cho ai trong cửa hàng của chị Ngọc A nên không có căn cứ xử lý với chị Ngọc A.

Chiếc sim điện thoại số 0369513152 thu giữ của Phạm Tài T là của ông Lương Văn Q nên cơ quan điều tra đã trả lại ông Q.

Bản cáo trạng số 53/CT - VKSTT ngày 25/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Phạm Tài T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo Phạm Tài T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Bị cáo từ 6 - 12 tháng tù.
- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.
- Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản không thu hồi được cho người bị hại;
- Vật chứng: Trả lại bị cáo chiếc điện thoại di động đã thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án - có đủ cơ sở xác định: Khoảng 4 giờ 30 phút ngày 29/12/2019 tại khu nhà trọ tập thể Viện điều tra quy hoạch rừng, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội, Phạm Tài T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Lương Văn Q 01 điện thoại di động OPPO màu trắng, trị giá 700.000đồng; chiếm đoạt của anh Lại Văn C 01 điện thoại Xiaomi A2 trị giá 3.000.000đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.700.000đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ

luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, ham hưởng lợi bất chính nên vẫn cố tình phạm tội. Khi được cơ quan điều tra cho tạt ngoại, bị cáo đã có hành vi bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Do đó, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự: «Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng». Xét bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định và để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự và vấn đề khác trong vụ án:

- Người bị hại là ông Lương Văn Q và anh Lại Văn C yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại bị cáo trộm cắp không thu hồi được. Yêu cầu của người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án trong trường hợp chậm thi hành án.

- Đối với chiếc điện thoại di động Masstel thu giữ của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với anh Vũ Văn H khi mua điện thoại của bị cáo, không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, cơ quan điều tra không xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Vũ Thị Ngọc A không nhớ bị cáo đến cửa hàng điện thoại của chị làm gì, bị cáo không nhớ bán điện thoại cho ai tại cửa hàng của chị Ngọc A nên cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý đối với chị Ngọc A, Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Tài T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Tài T **8 (tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2020.

3. Về dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự, điều 584, 585, 589 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Lương Văn Q 700.000đồng.
- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lại Văn C 3.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn thi hành án thì người phải thi hành còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo chiếc điện thoại di động Masstel A116 màu xanh nước biển, số IMEI 1: 301014145610918, IMEI 2: 301014145610928, số s/n: A116C16051926396 hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T (biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2020).

5. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. T, TP Hà Nội;
- Công an huyện T, TP Hà Nội;
- Cơ sở giam giữ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự H.T, Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. T, Hà Nội;
- Bị cáo;
- Người bị hại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoài